

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 238/2021/QĐST-HNGĐ

Gò Công Tây, ngày 29 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa:

* Nguyên đơn: Nguyễn Thị R, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền về tài sản: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Nguyễn Văn U, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 9/9 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn U.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1993 đã trưởng thành.

- **Về tài sản chung:**

+ Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn U thống nhất công nhận tài sản Rêng của bà R gồm:

Thửa đất số 78 cũ (thửa mới 56), tờ bản đồ số 5 cũ (tờ bản đồ mới 4), diện tích $1.104,0\text{m}^2$ (qua đo đạc thực tế là $1.097,4\text{m}^2$), loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ (ấp Bắc) khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01849/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 12/9/2003 cho Nguyễn Thị R.

(Có sơ đồ kèm theo).

Thửa đất số 71 cũ (thửa mới 384), tờ bản đồ số 5 cũ (tờ bản đồ mới 4), diện tích $142,4\text{m}^2$ (đo đạc còn lại $114,4\text{m}^2$), loại đất ở đô thị, địa chỉ (ấp Bắc) khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1553/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/8/2000 cho Nguyễn Thị R.

(Có sơ đồ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn U thống nhất công nhận tài sản chung là ngôi nhà được xây dựng trên thửa 71 cũ (thửa 384 mới), có diện tích $37,72\text{m}^2$, diện tích nhà sử dụng $58,08\text{m}^2$, có kết cấu: mái lợp tole, vách tường, nền tráng xi măng, có 01 gác lửng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12195 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/11/2002 cho Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị R.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn U về tài sản chung như sau:

Bà Nguyễn Thị R giao cho ông Nguyễn Văn U số tiền 150.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung. (Việc giao nhận tiền đã thực hiện xong ngày 21/12/2021).

Giao cho bà Nguyễn Thị R được tiếp tục quản lý, sử dụng ngôi nhà được xây dựng trên thửa 71 cũ (thửa 384 mới), có diện tích $37,72\text{m}^2$, diện tích nhà sử dụng $58,08\text{m}^2$, có kết cấu: mái lợp tole, vách tường, nền tráng xi măng, có 01 gác lửng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12195 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/11/2002 cho Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị R.

(Có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị R được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai đối với quyền sử dụng đất và nhà ở được nhận. Thực hiện khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn U không phải chịu án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện G;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CC THA DS huyện G;
- Tòa án ND tỉnh;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Võ Thị Xuân